

Write these words into English

1. con thuyền

2. bãi biển

3. phòng ngủ

4. giường ngủ

5. đang vẽ

6. máy tính bảng

7. quần áo

8. tắm tắm

9. trường học

10. lớp học

11. bánh ngọt

12. nước chanh

13. nhỏ

14. chuối

15. cặp đi học

16. cây dù

17. bông hoa

18. điện thoại bàn

19. cục gôm

20. cây thước

21. con dê

22. con thằn lằn

23. xe mô tô

24. khoai tây

25. khoai tây chiên

26. thịt

27. củ hành tây

28. quả thơm

29. quả cà chua

30. khu vườn